

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phạm Qui	Tông	3671040683	04/10/1993	7,50	,00	2,30	
2	Trần	Tuấn	3671040684	02/02/1994	,00	,00	,00	CT
3	Nguyễn Văn	Hải	3671040710	18/03/1993	4,50	,50	1,70	
4	Đoàn Lập	Công	3671040718	16/07/1993	3,50	1,80	2,30	
5	Nguyễn Anh	Tuấn	3671040746	20/08/1994	4,00	1,00	1,90	
6	Vũ Xuân	An	3671040754	06/01/1994	5,00	,00	1,50	
7	Huỳnh	Rin	3671040767	17/03/1993	2,50	,00	,80	
8	Nguyễn Đức	Phương	3671040770	28/02/1993	5,50	2,30	3,30	
9	Đoàn Công	Tuấn	3671040773	24/08/1994	9,00	4,00	5,50	
10	Võ Trường	Sinh	3671040796	01/04/1994	6,00	1,30	2,70	
11	Trương Lưu Trường	Giang	3671040803	07/02/1994	1,50	,00	,50	CT
12	Đỗ Minh	Hoà	3671040881	02/01/1994	6,50	1,80	3,20	
13	Lê Bùi Duy	Tân	3671040884	03/02/1993	4,00	,00	1,20	
14	Phạm Tuấn	Anh	3671040897	25/08/1994	7,00	1,30	3,00	
15	Nguyễn Tiến	Hải	3671040901	28/03/1994	2,50	,00	,80	
16	Hà Thanh	Thời	3671040907	06/06/1993	4,00	2,50	3,00	
17	Tổng Văn	Linh	3671040910	10/09/1993	4,50	2,80	3,30	
18	Dương Thanh	Minh	3671040934	29/11/1994	2,50	,30	1,00	
19	Nguyễn Xuân	Diệu	3671040965	20/04/1994	4,00	,00	1,20	
20	Phan Thế	Mạnh	3671040975	11/06/1993	3,50	,10	1,10	
21	Bùi Tuấn	Nhơn	3671040995	10/05/1993	8,50	,80	3,10	
22	Huỳnh Duy	Nhất	3671040999	10/02/1993	5,00	1,80	2,80	
23	Đoàn Tuấn	Khải	3671041003	17/05/1994	4,00	2,50	3,00	
24	Nguyễn Tú	Đông	3671041006	11/10/1994	5,50	1,00	2,40	
25	Lê Trần Anh	Nhật	3671041010	05/05/1994	,00	,00	,00	CT
26	Phạm Ngọc	Tịnh	3671041018	20/01/1993	,00	,00	,00	CT
27	Lê Công	Đức	3671041035	06/11/1994	4,00	3,80	3,90	
28	Nguyễn Trường	Kỳ	3671041047	22/04/1993	4,00	,00	1,20	
29	Ngô Minh	Quang	3671041053	25/02/1993	7,00	1,50	3,20	
30	Lê Văn	Phú	3671041073	14/08/1994	,00	,00	,00	CT
31	Nguyễn Văn	Túc	3671041078	1994	3,50	2,80	3,00	
32	Bùi Tuấn	Kiệt	3671041079	07/11/1994	3,50	5,30	4,80	
33	Nguyễn Văn	Khoa	3671041080	12/12/1994	5,50	1,80	2,90	
34	Nguyễn Đức	Kiên	3671041100	14/02/1991	1,00	,00	,30	CT
35	Đàng Thiên	Tấn	3671041103	05/08/1992	4,50	1,80	2,60	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Trọng	Toàn	3671041106	17/01/1994	3,50	4,00	3,90	
37	Huỳnh Tấn	An	3671041107	12/10/1993	2,50	1,50	1,80	
38	Nguyễn Đình	Công	3671041109	10/02/1994	,00	,00	,00	CT
39	Phạm Thanh	Danh	3671041123	01/11/1994	7,00	,00	2,10	
40	Trần Quang	Dũng	3671041132	27/12/1993	7,00	,50	2,50	
41	Nguyễn Thành	Trọng	3671041139	02/07/1994	4,50	1,00	2,10	
42	Nguyễn Khánh	Duy	3671041140	13/04/1994	5,50	,50	2,00	
43	Nguyễn Vũ	Linh	3671041144	12/08/1994	4,00	3,00	3,30	
44	Võ Văn	Thạch	3671041148	14/03/1994	,00	,00	,00	CT
45	Nguyễn Thanh	Phương	3671041155	17/06/1993	6,50	,00	2,00	
46	Trịnh Huỳnh Quốc	Khánh	3671041167	02/09/1994	,00	,00	,00	CT
47	Đồng Anh	Khoa	3671041170	09/03/1992	2,50	2,00	2,20	
48	Vũ Lã Công	Thành	3671041171	26/09/1993	6,00	,00	1,80	
49	Nguyễn Quang	Hiếu	3671041173	28/03/1994	7,00	6,00	6,30	
50	Nguyễn Công	Danh	3671041178	23/08/1993	6,00	3,50	4,30	
51	Lê Chiến	Thắng	3671041180	26/11/1994	7,00	1,30	3,00	
52	Đồng Văn	Hiền	3671041197	11/03/1994	3,50	,00	1,10	
53	Phan Sỹ	Tú	3671041202	28/02/1994	4,50	1,50	2,40	
54	Nguyễn Hồng	Toàn	3671041208	26/11/1992	4,00	,80	1,80	
55	Bùi Quang	Nhã	3671041209	20/07/1994	4,00	,50	1,60	
56	Kiều Phi	Long	3671041213	10/11/1994	3,00	6,00	5,10	
57	Trần Khánh	Minh	3671041218	31/10/1994	,00	,00	,00	CT
58	Nguyễn Văn	Nghĩa	3671041244	15/02/1993	3,50	,00	1,10	
59	Vi Văn	Hường	3671041457	09/02/1989	,00	,00	,00	CT
60	Trần Đức	Khánh	3671041460	10/05/1994	5,50	5,00	5,20	
61	Nguyễn Trung	Hiếu	3671041475	11/11/1994	2,50	1,00	1,50	
62	Hoàng Văn	Đức	3671041496	13/06/1994	3,00	3,80	3,60	
63	Trần Văn	Nam	3671041519	31/08/1994	3,00	4,50	4,10	
64	Châu Hoàng	Tuấn	3671041520	02/10/1993	7,00	,00	2,10	
65	Ngô Văn	Tiếp	3671041533	06/02/1993	6,00	5,50	5,70	
66	Lê Hoàng	Được	3671041950	25/03/1994	2,50	3,30	3,10	
67	Đặng Trọng	Quân	3671041966	14/09/1993	5,00	2,50	3,30	
68	Trần Quốc	Bảo	3671041967	14/08/1994	5,50	,50	2,00	
69	Trình Văn	Toàn	3671041983	06/01/1994	3,50	4,00	3,90	
70	Ngô Hữu Thiên	Phương	3671041984	04/12/1994	3,00	,50	1,30	
71	Nguyễn Đình	Huy	3671041990	06/11/1994	3,50	,00	1,10	CT
72	Trần Công	Đức	3671042044	04/04/1994	,00	,00	,00	CT

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)